

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025

Căn cứ Kế hoạch số 519/KH-PGD&ĐT ngày 22/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều năm 2024;

Thực hiện Công văn 1644/PGD&ĐT ngày 19/9/2024 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025,

Trường THCS Bình Khê xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên¹ và của ngành giáo dục thị xã² về “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030” và “Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu của thị xã, tỉnh, quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm

¹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của TTCP về “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia Giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch số 3625/KH-SGDĐT ngày 11/12/2023 của Sở GDĐT về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/8/2020 của BCH Đảng bộ thị xã Đông Triều về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Đông Triều về phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

² Kế hoạch số 1991/KH-PGD&ĐT ngày 25/12/2023 về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 519/KH-PGD&ĐT ngày 22/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều năm 2024;

sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

3. **Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, tập trung vào 3 “trụ cột”:** Chuyển đổi số trong các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá; Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và quản lý ngành giáo dục; Phát triển nguồn nhân lực số, chuyển đổi nhận thức; kỹ năng khai thác ứng dụng công nghệ số đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện trong quản lý, quản trị giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong nhà trường, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Nhà trường **xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến** của đơn vị, trong đó xác định, chọn lựa phần mềm dạy học, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), lựa chọn các môn học, tiết học phù hợp để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai đáp ứng yêu cầu thực tế về cơ sở vật chất, đội ngũ và yêu cầu tối thiểu mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của nhà trường; đồng thời **ban hành quy chế** tổ chức triển khai dạy học trực tuyến tại đơn vị đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

b) Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả việc soạn, duyệt tiến độ thực hiện kế hoạch bài dạy (giáo án) online, khai thác cơ sở lược đồ sách giáo khoa điện tử tại <https://e-learning.dongtrieu.edu.vn> ; tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo, chuyên đề, tập huấn về các hoạt động dạy học thông qua hệ thống truyền hình trực tiếp và hội nghị trực tuyến của ngành; tăng cường khai thác và sử dụng các chức năng lưu trữ, chia sẻ không giới hạn dung lượng trên điện toán đám mây của các hệ thống Google, Email, Zalo, <https://youtube.com/dtvdongtrieu> , DCCI Đông Triều... để phục vụ, hỗ trợ công tác dạy học.

c) Chủ động lựa chọn/duy trì sử dụng một nền tảng phần mềm quản lý học tập³ (LMS) phù hợp, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của LMS đã chọn trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học. Trong đó lưu ý: Mục đích dạy học trực tuyến kết hợp, hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục phổ thông giúp cơ sở giáo dục phổ thông nâng cao chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông⁴; Phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

³ Một số nền tảng: vnedu, k12online, mobiedu, olm, cohota, google classroom, MS Teams, ...

⁴ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

trong dạy và học; thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục; Mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học ở mọi nơi, mọi lúc. Tránh thực hiện hình thức, gây khó khăn, lãng phí, không mang lại hiệu quả, không vì mục đích nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục.

d) Tổ chức xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi theo định hướng, đảm bảo Chương trình giáo dục phổ thông, đóng góp, chia sẻ và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ, của Sở, Phòng của các nhà xuất bản, giữa các cơ sở giáo dục cùng cụm chuyên môn trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá; đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch đã ban hành⁵. Thực hiện lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị tại các hệ thống của ngành⁶.

- Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động, tạo quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

- Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm đã được cung cấp, cài đặt bài giảng điện tử, bài giảng e-learning của dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến ngành giáo dục và đào tạo và của Phòng tại địa chỉ: <http://lv.quangninh.edu.vn> , <https://e-learning.dongtrieu.edu.vn> cho hoạt động dạy và học tại đơn vị. Thường xuyên cập nhật bài giảng, sách giáo khoa, học liệu số và ngân hàng câu hỏi vào hệ thống của Phòng Giáo dục điện tử tại địa chỉ <https://e-learning.dongtrieu.edu.vn> .

- Nghiên cứu thực hiện triển khai liên thông thư viện⁷ (kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các thư viện trong nhóm liên thông và giữa các thư viện về tài nguyên thông tin số,...); kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục cùng cụm hoặc trong địa bàn thị xã, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Đẩy mạnh kiểm tra đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học; Tập trung giáo dục 05 kỹ năng số cơ bản: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến; (3) Thanh toán trực tuyến; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số khác đặc thù của địa phương cho học sinh.

⁵ Kế hoạch số 519/KH-PGD&ĐT ngày 22/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều năm 2024;

⁶ <https://e-learning.dongtrieu.edu.vn/> ; driver tên miền @dongtrieu.edu.vn.

⁷ Công văn số 1567/PGD&ĐT ngày 09/9/2024 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn liên thông thư viện.

- Rà soát hạ tầng kĩ thuật, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số⁸ trong nhà trường. **Lập và đề xuất phê duyệt hồ sơ an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; thực hiện nội dung hướng dẫn tại Công văn số 900/CNTT ngày 12/9/2024 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường bảo vệ tài khoản truy cập CSDL ngành⁹.**

2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

- Thực hiện quản lý nhà trường trên Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến (SMAS), kết nối dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu của Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn/>, hệ thống Phòng Giáo dục điện tử <https://dongtrieu.edu.vn/>.

- Thực hiện sử dụng hồ sơ sổ sách điện tử thay thế hoàn toàn bản giấy theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng GD&ĐT thị xã đã triển khai; **Hoàn thành việc trang bị chữ ký số trong CBGVNV trước 10/12/2024.** Triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục bảo đảm an toàn cho quản lý, sử dụng tài khoản cấp trường nói riêng và bảo đảm an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống CSDL ngành nói chung.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai trong giáo dục¹⁰ trên hệ thống website của đơn vị.

- Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau: (1) Tiếp tục triển khai cơ sở dữ liệu nhà trường kết nối với CSDL ngành giáo dục, thị xã, tỉnh, quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục nhà trường (2) Định kỳ hàng tháng, học kỳ, năm học thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục¹¹ đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Phòng, Sở GD&ĐT, của Bộ GD&ĐT; (3) **hoàn thành dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân** của giáo viên và học sinh; (4) cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông

⁸ Công văn số 966/SGD&ĐT-VP ngày 30/3/2024.

⁹ Nhằm tăng cường thực hiện Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Thông tư số 42/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT Quy định về cơ sở dữ liệu GD&ĐT.

¹⁰ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

¹¹ Tại địa chỉ <https://csdl.quangninh.edu.vn> và <https://csdl.moet.gov.vn>.

tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp¹² (lớp 6 và lớp 10) năm 2025.

- Thực hiện triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, tính kịp thời báo cáo dữ liệu của đơn vị mình.

3. Khai thác cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo

- Tập thể, cá nhân CBGVNV nhà trường có trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp và dữ liệu khai thác theo quy định của pháp luật và quy định của các cơ quan quản lý.

- Nhà trường chỉ đạo CBGV chủ động khai thác cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo thống nhất dữ liệu báo cáo toàn ngành, không báo thông tin, số liệu đã có trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (trừ trường hợp đặc biệt).

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục¹³, quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT¹⁴ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Chế độ báo cáo:

(1) Thực hiện báo cáo dữ liệu ngành trên hệ thống¹⁵: **Dữ liệu đầu năm tính đến 30/9/2024.**

(2) Thực hiện sơ kết, tổng kết và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục cuối học kỳ I, kết thúc năm học. Biểu mẫu báo cáo theo Phụ lục đính kèm.

(3) Thực hiện báo cáo Phòng GD&ĐT công tác tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2024-2025 (theo hướng dẫn của PGD).

4. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ sau

- Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học.

- Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ¹⁶.

- Đẩy mạnh triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Thực hiện

¹² Tại hệ thống TSĐC của ngành <https://tsdaucap.dongtrieu.edu.vn/>

¹³ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

¹⁴ Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT

¹⁵ Tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn>

¹⁶ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024.

hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với **100% các khoản thu¹⁷, chi¹⁸** phục vụ hoạt động dịch vụ của trường học.

III. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- **Thành lập Tổ hỗ trợ CDS** thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; Phân công nhiệm vụ từng thành viên để đảm bảo các nội dung công việc cần thực hiện.

- Tăng cường và phát huy vai trò của Tổ hỗ trợ CDS trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

2. Tập trung triển khai hiệu quả việc tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả việc tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch và hướng dẫn của Phòng GD&ĐT¹⁹.

3. Tăng cường công tác thể chế

Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu của đơn vị trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành; chỉ đạo tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng đối tượng trên cơ sở dữ liệu ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân²⁰, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục của đơn vị.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

- Định kỳ hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản

¹⁷ Các khoản thu: Bắt buộc (học phí, bảo hiểm y tế, ...); Tự nguyện (các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND, xã hội hóa, ...)

¹⁸ Các khoản chi: Từ nguồn kinh phí tự chủ (lương và các khoản theo lương, hoạt động chuyên môn, hoạt động khác, ...); từ nguồn kinh phí không tự chủ (chế độ, chính sách cho người dạy, người học, ...); từ nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

¹⁹ Công văn số 746/PGD&ĐT ngày 08/5/2024 hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Đông Triều;

²⁰ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong cơ sở giáo dục.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin, cập nhật thường xuyên các cảnh báo lỗi bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ, phần mềm; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

5. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng năng lực số và triển khai lại tại nhà trường; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia vào ngày 10/10 hàng năm.

- Tăng cường viết bài, đưa tin về hoạt động chuyển đổi số của đơn vị trên trang TTĐT của nhà trường và các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát

Xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục đối với giáo viên, nhân viên nhà trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường:

- Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 tại đơn vị. Nội dung kế hoạch cần bám sát thực tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của đơn vị; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm mang lại hiệu quả thiết thực.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ UDCNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên CBD.

- Thành lập Tổ hỗ trợ CDS thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; Phân công nhiệm vụ từng thành viên để đảm bảo các nội dung công việc cần thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ UDCNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ thực hiện.

- Cân đối nguồn ngân sách được cấp để tiếp tục đầu tư CSVN, thiết bị CNTT phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập của nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết:

+ Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ 1 năm học 2024-2025 và báo cáo Phòng GD&ĐT **trước ngày 15/01/2025**.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 và báo cáo trên cơ sở dữ liệu ngành **trước ngày 31/5/2025**.

2. Tổ hỗ trợ CDS thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ UDCNTT, CDS, thống kê giáo dục năm học 2024-2025 đối với các nội dung hoạt động của nhà trường theo nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu, đề xuất các ý kiến phục vụ tốt cho nhiệm vụ UDCNTT, CDS, TKGD của nhà trường.

- Tham gia nhiệm vụ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ UDCNTT, CDS, TKGD của các tổ chuyên môn, các bộ phận, cá nhân.

3. Đối với GV, NV trong nhà trường

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2024-2025 của nhà trường đã xây dựng.

Thu thập, lưu trữ hồ sơ, minh chứng các nội dung đã thực hiện (dưới dạng số hóa) nhằm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, tự đánh giá và đánh giá ngoài của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục năm học 2024-2025 của trường THCS Bình Khê, đề nghị các đồng chí CBGV, NV trong nhà trường nghiêm túc nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị báo cáo về Lãnh đạo nhà trường để thống nhất phương án giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Trang TT&ĐT trường;
- CBGVNV nhà trường (t/h);
- Lưu: VT, BPCM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan Anh

Phụ lục I
Đề cương báo cáo sơ/tổng kết
triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai
2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp
3. Công tác báo cáo định kỳ
4. Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS, thống kê giáo dục
5. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong học kỳ/năm học tiếp theo
6. Đề xuất, kiến nghị

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS BÌNH KHÊ

Phụ lục II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm 202...

(Đề cương)

BÁO CÁO

**kết quả thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục
năm học**

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1. Triển khai các văn bản chỉ đạo
2. Ban hành các văn bản, công tác hướng dẫn, bồi dưỡng tập huấn

II. Kết quả thực hiện

1. Quá trình thực hiện tại cơ sở giáo dục
2. Kết quả mức độ chuyển đổi số của đơn vị

III. Khó khăn, vướng mắc khi triển khai

IV. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm học tiếp theo

V. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

.....

Thủ trưởng đơn vị

.....

Phụ lục III
DANH MỤC VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

I. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ GDĐT

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 “trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”, trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;

9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

10. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Thông tư số 24/2023/TT-BDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh;

20. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

21. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

22. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

23. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

24. Quyết định số 447/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin, tham gia môi trường mạng an toàn đối với hoạt động giảng dạy, quản lý giáo dục.

II. VĂN BẢN CỦA TỈNH

1. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025;

5. Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

7. Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch triển khai năm 2022;

8. Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

9. Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

10. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

11. Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030;

12. Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

13. Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

14. Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Ninh.

III. VĂN BẢN CỦA SỞ GD&ĐT

1. Kế hoạch số 3625/KH-SGD&ĐT ngày 11/12/2023 của Sở GD&ĐT về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Kế hoạch số 842/KH-SGD&ĐT ngày 19/3/2024 thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2024.

3. Công văn số 295/SGD&ĐT-GDTrH ngày 31/01/2019 về việc quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh.

4. Công văn số 3163/SGD&ĐT-VP ngày 09/11/2023 về việc tiếp tục tăng cường khai thác hiệu quả thiết bị, hệ thống LMS, phòng học, phòng điều hành của dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và dự án trường học thông minh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Công văn số 873/SGD&ĐT-VP ngày 21/3/2024 về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo bộ chỉ số đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên./.

IV. VĂN BẢN CỦA UBND THỊ XÃ

1. Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 27/8/2020 của BCH Đảng bộ thị xã Đông Triều về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Đông Triều về phát triển Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thị xã Đông Triều về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Kế hoạch số 80 KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND thị xã Đông Triều về thực hiện Chuyển đổi số toàn diện thị xã Đông Triều đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

5. Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc tăng cường ứng dụng CNTT và thúc đẩy CDS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

6. Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 18/3/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc thực hiện chuyển đổi số thị xã Đông Triều năm 2024.

V. VĂN BẢN CỦA PHÒNG GD&ĐT

1. Kế hoạch số 1991/KH-PGD&ĐT ngày 25/12/2023 về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Kế hoạch số 519/KH-PGD&ĐT ngày 22/3/2024 về việc thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều năm 2024.

3. Công văn số 746/PGD&ĐT ngày 08/5/2024 hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Đông Triều.

Phụ lục IV
Một số hướng dẫn đối với
phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và quản lý nhà trường

1. Mọi thao tác thay đổi về nhân sự của đơn vị, thay đổi học sinh (tiếp nhận hoặc chuyển trường) sau khi thực hiện xong đều phải thực hiện cập nhật, đồng bộ ngay trên phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục Quảng Ninh tại địa chỉ <https://csdl.quangninh.edu.vn> với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT (<https://csdl.moet.gov.vn>).

2. Khi nhận học sinh từ tỉnh khác về trường trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cần thực hiện xuất thông tin học sinh và cập nhật vào phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>.

3. Các cơ sở mới thành lập cần tạo mới trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành (<https://csdl.moet.gov.vn>); đơn vị thực hiện sáp nhập các cơ sở giáo dục báo cáo bộ phận Thống kê giáo dục để thao tác trên hệ thống; sau đó liên hệ với kỹ thuật Viettel và cập nhật trên phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>.
